Vận tải hành khách

	Ước tính tháng 5 năm 2019	Cộng dồn 5 tháng năm 2019	Tháng 5 năm 2019 so với tháng 4 năm 2019 (%)	Tháng 5 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (%)	5 tháng năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Vận chuyển (Nghìn HK)					
Tổng số	**417409.2**	**2073422.9**	**99.6**	**109.8**	**110.6**
Phân theo khu vực vận tải					
Trong nước	415788.0	2065850.0	99.6	109.8	110.6
Ngoài nước	1621.2	7572.9	103.3	110.9	110.5
Phân theo ngành vận tải					
Đường sắt	550.4	3308.4	78.0	79.3	91.9
Đường biển	625.7	3182.8	103.0	102.1	105.5
Đường thủy nội địa	16709.1	84946.8	100.4	104.8	107.8
Đường bộ	394946.9	1959986.9	99.6	109.5	110.8
Hàng không	4577.1	21998.0	102.3	109.5	108.3
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)					
Tổng số	**19102.0**	**93927.5**	**100.3**	**108.1**	**109.3**
Phân theo khu vực vận tải					
Trong nước	14652.4	73139.7	99.3	107.2	109.1
Ngoài nước	4449.6	20787.8	103.6	111.2	109.9
Phân theo ngành vận tải					
Đường sắt	199.9	1350.3	81.1	73.8	90.2
Đường biển	37.0	189.4	102.0	100.2	105.5
Đường thủy nội địa	326.3	1656.1	98.1	104.3	106.7
Đường bộ	13258.6	65603.6	99.7	108.4	110.1
Hàng không	5280.2	25128.1	102.8	109.8	108.6